

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 16

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số liền sau của số tròn chục nhỏ nhất là

- A. 9 B. 10 C. 11 D. 12

Phương pháp

- Xác định số tròn chục nhỏ nhất
- Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

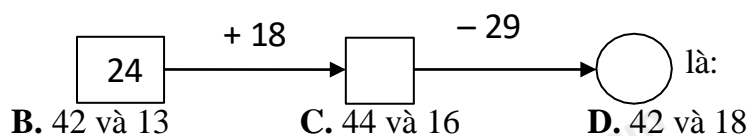
Lời giải

Số tròn chục nhỏ nhất là 10.

Vậy số liền sau của số tròn chục nhỏ nhất là 11.

Đáp án: C

Câu 2. Số thích hợp viết vào chỗ trống trong phép tính

**Phương pháp**

Thực hiện các phép tính theo chiều mũi tên để chọn đáp án thích hợp.

Lời giải

Ta có $24 + 18 = 42$; $42 - 29 = 13$

Đáp án: B

Câu 3. $9 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 9 B. 90 C. 19 D. 10

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$

Lời giải

$9 \text{ dm} = 90 \text{ cm}$

Đáp án: B

Câu 4. Nhà Minh có nuôi 3 chục con gà và 15 con vịt. Số con vịt kém số con gà là:

- A. 5 B. 10 C. 15 D. 20

Phương pháp

Số vịt kém số gà = số con gà – số con vịt

Lời giải

Số vịt kém số gà là: $30 - 15 = 15$ (con)

Đáp án: C

Câu 5. Tổng lớn nhất của hai số có một chữ số khác nhau là ?

A. 16

B. 17

C. 18

D. 19

Phương pháp

- Xác định hai số lớn nhất có một chữ số khác nhau
- Thực hiện phép cộng hai số đó

Lời giải

Hai số lớn nhất có một chữ số khác nhau là 9 và 8.

Tổng hai số đó là $9 + 8 = 17$

Đáp án: B

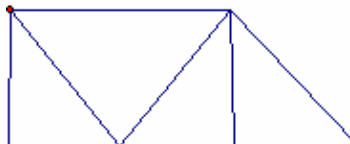
Câu 6. Hình dưới đây có bao nhiêu hình tứ giác?

A. 6 hình tứ giác

B. 5 hình tứ giác

C. 4 hình tứ giác

D. 3 hình tứ giác



Phương pháp

Hình tứ giác có 4 đỉnh, 4 cạnh và 4 góc.

Lời giải

Hình bên có 5 hình tứ giác.

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

a) $83 - 28$

b) $19 + 24$

c) $52 - 15$

d) $80 - 36$

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng thẳng cột
- Cộng hoặc trừ lần lượt từ phải sang trái

Lời giải

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 28 \\ \hline 55 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 24 \\ \hline 43 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 15 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 36 \\ \hline 44 \end{array}$$

Câu 2. Điền dấu $>$; $<$; $=$

a) $42 \text{ lít} + 8 \text{ lít} \dots\dots\dots 50 \text{ lít}$

b) $34 + 26 \dots\dots\dots 82 - 37$

Phương pháp

Thực hiện tính kết quả ở hai vế rồi so sánh

Lời giải

a) $42 \text{ lít} + 8 \text{ lít} = 50 \text{ lít}$

b) $34 + 26 > 82 - 37$

Câu 3. Điền số thích hợp:

a) = $68 + 26 - 14$

b) $81 - \text{.....} + 12 = 49$

Phương pháp

a) Thực hiện tính về phải

b) Thực hiện tính $49 - 12$

Số cần điền vào chỗ chấm bằng 81 trừ đi kết quả vừa tìm được

Lời giải

a) = $68 + 26 - 14$

$68 + 26 - 14 = 94 - 14 = 80$

Vậy số cần điền vào chỗ chấm là 80.

b) $81 - \text{.....} + 12 = 49$

$81 - \text{.....} = 49 - 12$

$81 - \text{.....} = 37$

$81 - 37 = 44$

Vậy số cần điền vào chỗ chấm là 44.

Câu 4. Trong cùng một tòa chung cư, nhà An ở tầng thứ 24, biết rằng nhà An ở vị trí thấp hơn nhà Đức 9 tầng. Hỏi nhà Đức ở tầng bao nhiêu?**Phương pháp**

Số tầng nhà Đức = Số tầng nhà An + 9

Lời giải

Nhà Đức ở tầng số:

$24 + 9 = 33$

Đáp số: tầng 33

Câu 5. Túi xanh đựng 36 kg gạo. Túi xanh nặng hơn túi đỏ. Nếu thêm vào túi đỏ 8 kg gạo thì cân nặng của hai túi bằng nhau. Hỏi túi đỏ nặng bao nhiêu ki-lô-gam gạo?**Phương pháp**

Cân nặng của túi đỏ = Cân nặng của túi xanh - 8 kg

Lời giải

Túi đỏ nặng số ki-lô-gam gạo là:

$36 - 8 = 26 \text{ (kg)}$

Đáp số: 26 kg gạo